

Bản án số: 01/2021/HNGĐ - PT

Ngày: 14-05-2021

*“V/v không công nhận quan hệ
vợ chồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Lan

Ông Vũ Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Tô Kim Hiền - Thư ký Toà án, Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2021/TLPT - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc *“Không công nhận quan hệ vợ chồng”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2021/HNGĐ-ST ngày 05-03-2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn C, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2021/QĐ - PT ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Sùng Thị D, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn D, xã Nghĩa T, huyện Văn C, tỉnh Yên Bái; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Giàng A C, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn D, xã Nghĩa T, huyện Văn C, tỉnh Yên Bái; có mặt.

3. Người kháng cáo: Anh Giàng A C – là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Văn C, tỉnh Yên B thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm chị Sùng Thị D trình bày: Chị và anh Giàng A C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới anh, chị chung sống tại thôn D, xã Nghĩa T, huyện Văn C, tỉnh Yên B. Chung sống đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C thường đi với người phụ nữ khác không chịu tu trí làm ăn, vợ chồng cãi vã xích mích gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị D xác định không còn tình cảm với anh C nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Giàng Thị L, sinh ngày 12-10-2000 và Giàng A T, sinh ngày 30-03-2001. Hiện nay cả 02 con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Anh Giàng A C trình bày: Anh và chị D chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 8/1999, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới anh chị chung sống tại thôn D, xã Nghĩa T, huyện Văn Ch, tỉnh Yên B. Chung sống đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp dẫn đến cãi chửi nhau, gia đình đã khuyên bảo nhiều lần bản thân anh C cũng đã nhận ra lỗi lầm nhưng mâu thuẫn không hàn gắn được, tại phiên tòa sơ thẩm anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Giàng A C nhất trí như chị D trình bày các con đã đủ 18 tuổi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

UBND xã Nghĩa T có xác nhận về việc chị Sùng Thị D và anh Giàng A C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Bản án sơ thẩm số: 10/2021/HNGĐ-ST ngày 05-03-2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn C, tỉnh Yên B đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sùng Thị D.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị D và anh Giàng A C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10-03-2021 anh Giàng A C có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý ly hôn với chị Sùng Thị D và xin về đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Thủ tục phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định và hợp lệ.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn anh Giàng A C, giữ nguyên bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST ngày 05-03-2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn C, tỉnh Yên B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp. Đơn kháng cáo của đương sự làm trong thời hạn kháng cáo, đúng, đủ về hình thức và nội dung. Nên kháng cáo của bị đơn anh C là hợp lệ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Sùng Thị D vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo xin trở về đoàn tụ của anh C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Sùng Thị D và anh Giàng A C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, không đăng ký kết hôn

theo quy định pháp luật, vi phạm quy định về đăng ký kết hôn theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống với nhau chị D và anh C không thực hiện việc đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xác định tình cảm không còn nên chị D đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và anh C đồng ý ly hôn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị D và anh Giàng A C là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh C. Giữ nguyên bản án số 10/2021/HNGĐ-ST ngày 05-03-2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn C, tỉnh Yên B.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên B tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của anh C không được chấp nhận, nên anh C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; điểm a khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Giàng A C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2021/HNGĐ-ST ngày 05-03-2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn C, tỉnh Yên B.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị D và anh Giàng A C.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Giàng A C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2017/0005926 ngày 10-03-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn C, tỉnh Yên B.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 3, TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Yên B;
- TAND, VKSND huyện Văn C;
- Chi cục THADS huyện Văn C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đỗ Thu Hương